

BÁO CÁO

sơ kết 03 năm công tác phát triển đảng viên giai đoạn 2021 - 2023

(số liệu tính đến ngày 20/11/2023)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

Số: 47
ĐẾN Ngày: 6/12/2023

Chuyên: CNTT

Lưu hồ sơ số: Năm 2023

Năm 2023 là năm bản lề trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá, sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, trong đó có công tác phát triển đảng viên. Trên cơ sở kết quả thực hiện của các cấp ủy trực thuộc và từ thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên trong Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá tình hình, kết quả công tác phát triển đảng viên 3 năm 2021 - 2023 như sau:

Phần thứ nhất**KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN GIAI ĐOẠN 2021 - 2023****I. Khái quát tình hình chung**

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có 17 đảng bộ trực thuộc (11 đảng bộ huyện, 01 Đảng bộ Thành phố, 01 Đảng bộ Thị xã và 04 đảng bộ trực thuộc); 789 tổ chức cơ sở đảng (291 đảng bộ cơ sở, 498 chi bộ cơ sở); 2.501 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và 13 đảng bộ bộ phận, với hơn 57.012 đảng viên.

Đảng viên tính theo dân số: với 57.012 đảng viên/1.245.649 người, chiếm tỷ lệ 4,57%, thấp hơn cả nước (xấp xỉ 5,5%)¹.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa thực hiện**1. Đối với cấp tỉnh**

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị gắn với Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới (viết tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác phát triển đảng viên: Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 30/8/2021 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 10/8/2022 về thực hiện Nghị quyết

¹ Trong đó, Minh Long: 1.450 đảng viên/19.233 người, tỷ lệ 7,54%; Sơn Tây: 1.517 đảng viên/21.422 người, tỷ lệ 7,08%; Ba Tơ: 4.173 đảng viên/60.389 người, tỷ lệ 6,91%; Trà Bồng: 2.955 đảng viên/54.095 người, tỷ lệ 5,46%; Lý Sơn: 910 đảng viên/18.951 người, tỷ lệ 4,8%; Nghĩa Hành: 3.251 đảng viên/83.155 người, tỷ lệ 3,91%; Thành phố Quảng Ngãi: 10.155 đảng viên/263.425 người, tỷ lệ 3,85%; Sơn Hà: 3.042 đảng viên/79.414 người, tỷ lệ 3,83%; Mộ Đức: 4.201 đảng viên/113.499 người, tỷ lệ 3,70%; Đức Phổ: 4.398 đảng viên/122.611 người, tỷ lệ 3,59%; Bình Sơn: 5.903 đảng viên/182.856 người, tỷ lệ 3,23%; Sơn Tịnh: 3.114 đảng viên/96.780 người, tỷ lệ 3,23%; Tư Nghĩa: 3.812 đảng viên/129.819 người, tỷ lệ 2,94%.

số 21-NQ/TW; các quyết định giao chỉ tiêu phát triển đảng viên²; thành lập Đoàn Khảo sát việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên đối với 27 tổ chức đảng³; chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên⁴, xác định công tác phát triển đảng viên là một tiêu chí quan trọng để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân lãnh đạo quản lý và tổ chức đảng hằng năm. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị chuyên đề về kết nạp đảng viên là học sinh⁵; đôn đốc ban tổ chức cấp ủy cập nhật số liệu kết nạp đảng viên theo tháng, quý để theo dõi, chỉ đạo. Các đồng chí Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên đôn đốc kiểm tra công tác phát triển đảng viên các địa phương, đơn vị mình phụ trách.

2. Đối với cấp huyện

17/17 ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã tổ chức phổ biến, quán triệt nhiệm vụ phát triển đảng viên đến các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ đảng viên bằng hình thức phù hợp (*tổ chức hội nghị chuyên đề, lồng ghép với các cuộc họp, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ*). Ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đã ban hành hơn 98 văn bản chỉ đạo về công tác phát triển đảng viên (*Có Phụ lục 01 kèm theo*).

Có nhiều địa phương đã có cách làm hay, đổi mới, như:

(1) Nghĩa Hành đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác phát triển đảng viên, giai đoạn 2022 - 2025, sau hội nghị ban hành Kết luận số 862-KL/HU ngày 21/02/2022 để chỉ đạo công tác phát triển đảng viên.

(2) Thị ủy Đức Phổ: Ban Thường vụ Thị ủy ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tạo nguồn, giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp; Thường trực Thị ủy trực tiếp làm việc, khảo sát thực tế tại 3 đảng ủy phường, xã trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; công tác phát triển đảng viên; Thường trực Thị ủy tổ chức buổi làm việc với bí thư, phó bí thư chi bộ các trường THPT, Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thị xã và các cơ quan liên quan trong thực hiện việc kết nạp đảng viên là học sinh trong các trường THPT năm 2023 và các năm tiếp theo; tham mưu Ban Thường vụ Thị ủy tổ chức Hội nghị làm việc với các chi, đảng bộ để nghe phản ánh các nhiệm vụ, chỉ tiêu Ban Thường vụ Thị ủy đã giao và khả năng thực hiện từ nay đến cuối năm, những khó khăn, vướng mắc để hoàn

² Quyết định số 523-QĐ/TU ngày 25/01/2022 về việc giao chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong năm 2022; Quyết định số 904-QĐ/TU ngày 22/12/2023 về việc giao chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong năm 2023.

³ Khảo sát tại 09 đảng bộ cấp huyện (thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi, huyện Nghĩa Hành, Bình Sơn, Lý Sơn, Ba Tơ, Sơn Tây, Trà Bồng, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh) và 18 tổ chức cơ sở đảng.

⁴ Công văn số 634-CV/TU ngày 16/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TWĐTN-TC ngày 21/7/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về tăng cường công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp; Công văn số 1429-CV/TU ngày 05/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo công tác kết nạp đảng viên mới gắn với việc sàng lọc đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng; Hướng dẫn số 11-HD/TU ngày 07/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết nạp đảng viên là học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1771-CV/TU ngày 07/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về điều chỉnh một số nội dung trong Hướng dẫn số 11-HD/TU ngày 07/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

⁵ Thành phần tham gia Hội nghị: Lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy; lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; ban thường vụ, ban tổ chức các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; các đồng chí hiệu trưởng, bí thư (hoặc phó bí thư) chi bộ các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

thành chỉ tiêu, nhiệm vụ chung của Thị ủy năm 2023.

(3) **Bình Sơn:** Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức 03 Hội nghị chuyên đề về kết nạp đảng viên, ngoài việc giao chỉ tiêu phát triển đảng viên cho các tổ chức cơ sở đảng, còn chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện cần tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, chủ doanh nghiệp, người lao động và quần chúng nhân dân nói chung về vị trí, vai trò của công tác phát triển Đảng; giao chỉ tiêu cụ thể cho Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới, phấn đấu giới thiệu 50% quần chúng ưu tú trong các tổ chức chính trị - xã hội cho tổ chức đảng xem xét kết nạp vào Đảng, trong đó quần chúng là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 20%; hội viên Hội liên hiệp Phụ nữ 8%; hội viên Hội Nông dân 8%; đoàn viên Công đoàn 9%.

(4) Trên cơ sở chỉ tiêu của tỉnh giao, căn cứ vào nguồn hiện có, Ban Thường vụ Huyện ủy Trà Bồng, Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Tơ, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh đã chủ động, giao chỉ tiêu cao hơn mức của tỉnh giao. Kịp thời gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy cơ sở trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên không đạt chỉ tiêu.

(5) **Minh Long:** Tổ chức hội nghị chuyên đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và phát triển đảng viên, giai đoạn 2017 - 2022; giải pháp thực hiện giai đoạn 2023 - 2025...

III. Kết quả thực hiện công tác phát triển đảng viên giai đoạn 2021 - 2023

1. Công tác khảo sát nguồn và chuẩn bị nguồn giai đoạn 2021 - 2023

- Khảo sát nguồn quần chúng: 62.940 người⁶, trong đó cán bộ thôn, tổ dân phố: 228; dân quân cơ động và dự bị động viên: 7.641; hội viên nông dân: 9.515; hội viên hội phụ nữ: 16.925; học sinh THPT: 818; sinh viên: 1.499; đoàn thanh niên: 11.729; công chức, viên chức, người lao động: 4.787; người lao động làm việc trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp chưa là cán bộ công chức, viên chức: 1.407. Năm 2023, tiếp tục khảo sát nguồn từ đội ngũ viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế và giáo dục cho thấy nguồn quần chúng còn 10.549 người (y tế: 2.036 người; giáo dục: 8.513 người).

- Số lượng tham gia học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng: 4.514 người, riêng năm 2023: 2.344 người.

2. Công tác kết nạp đảng viên giai đoạn 2021 - 2023

Tổng số đảng viên kết nạp được từ năm 2021 đến tháng 11/2023 là **4.647 đảng viên**, trong đó: Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh 615 đảng viên (chiếm 13,21%); Bình Sơn 469 đảng viên (chiếm 10,07%); Thành ủy Quảng Ngãi 455 đảng viên (chiếm 9,77%); Ba Tơ 407 đảng viên (chiếm 8,74%); Tư Nghĩa 357 đảng viên (chiếm 7,67%); Đức Phổ 330 đảng viên (chiếm 7,09%); Mộ Đức 328 đảng

⁶ Số liệu thống kê tại Báo cáo số 1972-BC/BTCTU ngày 21/12/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tình hình công tác xây dựng Đảng năm 2022.

viên (chiếm 7,09%); Trà Bồng 317 đảng viên (chiếm 6,81%); Nghĩa Hành 313 đảng viên (chiếm 6,72%); Sơn Hà 317 đảng viên (chiếm 6,81%); Sơn Tịnh 227 đảng viên (chiếm 4,87%); Sơn Tây 191 đảng viên (chiếm 4,10%); Minh Long 152 đảng viên (chiếm 3,26%); Lý Sơn 79 đảng viên (chiếm 1,7%). Cụ thể:

- **Năm 2021**, tổng số kết nạp được 1.148 đảng viên, trong đó: Nữ: 651, tỷ lệ 56,71%; Dân tộc thiểu số: 196, tỷ lệ 17,07%; Người theo tôn giáo: 03, tỷ lệ 0,26%; Đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 773, tỷ lệ 67,33%; Chủ doanh nghiệp tư nhân: 02, tỷ lệ 0,17%; Quân chúng sau vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình: 02, tỷ lệ 0,17%; Kết nạp lại: 01, tỷ lệ 0,08%.

- **Năm 2022**, tổng số kết nạp được 1.686 đảng viên, trong đó: Nữ: 956, tỷ lệ 56,70%; Dân tộc thiểu số: 294, tỷ lệ 17,44%; Người theo tôn giáo: 03, tỷ lệ 0,18%; Đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 1.047, tỷ lệ 62,10%; Chủ doanh nghiệp tư nhân: 02, tỷ lệ 0,12%; Quân chúng sau vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình: 10, tỷ lệ 0,59%.

- **11 tháng năm 2023**, tổng số kết nạp được 1.813 đảng viên, trong đó: Nữ: 1055, tỷ lệ 58,19%; Dân tộc thiểu số: 308, tỷ lệ 16,99%; Người theo tôn giáo: 04, tỷ lệ 0,22%; Đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 1083, tỷ lệ 59,74%; Chủ doanh nghiệp tư nhân: 03, tỷ lệ 0,17%; Quân chúng sau vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình: 24, tỷ lệ 1,32%; Kết nạp lại: 01, tỷ lệ 0,06%.

(Có Phụ lục 02 kèm theo)

3. Cơ cấu về nghề nghiệp, độ tuổi, trình độ của đảng viên mới kết nạp (giai đoạn 2021 - 2023)

- Cơ cấu về nghề nghiệp của đảng viên mới kết nạp được phân bố không đồng đều, trong đó: Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập chiếm 41,58%; sỹ quan, chiến sỹ quân đội và công an chiếm 5,72%; lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp chiếm 6,37%; người làm nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 5,55%; cán bộ, công chức cơ quan nhà nước tính từ cấp huyện trở lên chiếm 8,26%; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn chiếm 7,85%; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chiếm 9,32%; sinh viên chiếm 0,71%; học sinh chiếm 4,69%.

- Về tuổi đời của đảng viên mới kết nạp có độ tuổi bình quân là 30 tuổi, đa số trong độ tuổi từ 18 - 30 (chiếm 48,01%), một số ít đảng viên mới có độ tuổi trên 56 tuổi (chiếm 0,13%).

- Về trình độ của đảng viên mới kết nạp, phần lớn có trình độ đại học trở lên, chiếm 71,4%, còn lại cao đẳng chiếm 15,44%, trung cấp chiếm 10,39%.

(Có Phụ lục 02 kèm theo)

IV. Đánh giá nhận xét chung

1. Ưu điểm

Căn cứ vào Quyết định giao chỉ tiêu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy,

tổ chức đảng đã tăng cường quán triệt, cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu, phân công đảng viên theo dõi, giúp đỡ các quần chúng ưu tú để bồi dưỡng, giới thiệu nguồn cho Đảng. Qua đó, năm 2022, có 10 đảng bộ kết nạp vượt chỉ tiêu so với tình giao⁷; có 02 đảng bộ đạt chỉ tiêu so với tình giao⁸; dự kiến vào cuối năm 2023 sẽ có 13/14 đảng bộ đạt chỉ tiêu tình giao (tại thời điểm 20/11/2023, có 05 địa phương Thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Ba Tơ, Sơn Tây đã vượt chỉ tiêu).

Nhận thức của cấp ủy các cấp về công tác phát triển đảng viên mới có sự thay đổi, chuyển biến theo hướng tích cực, xác định công tác phát triển đảng viên mới là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng, góp phần tăng cường, bổ sung lực lượng, trẻ hóa đội ngũ, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Các cấp ủy đã bám sát tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 21-NQ/TW và các chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên ở địa phương, đơn vị mình. Quần chúng ưu tú đã có sự giác ngộ về chính trị, có động cơ phấn đấu vào Đảng đúng đắn, tích cực phấn đấu để được đứng vào hàng ngũ của Đảng, qua đó góp phần tăng cường củng cố tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

Nhờ phát triển được số đảng viên mới nên tỷ lệ đảng viên so với dân số trong toàn tỉnh tăng từ 4,41% năm 2021 lên 4,57% năm 2023, tăng 0,16%. Theo chỉ tiêu Nghị quyết số 21-NQ/TW, năm 2022, tỷ lệ đảng viên mới kết nạp so với tổng số đảng viên, cấp tỉnh đạt 3%; cấp huyện cơ bản đạt từ 3% trở lên (trong đó có 02 đơn vị đạt từ 3% - 3,5%; 14 đơn vị (kể cả Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh) đạt trên 3,5% - 4%, riêng thành phố Quảng Ngãi chỉ đạt 2%).

Cơ cấu đảng viên mới có sự trẻ hóa: năm 2021, kết nạp đảng viên mới có độ tuổi dưới 36 có 878 đảng viên (chiếm 76,48%); năm 2022, kết nạp đảng viên mới có độ tuổi dưới 36 có 1.299 đảng viên (chiếm 77,04%); năm 2023, kết nạp đảng viên mới có độ tuổi dưới 36 có 1.388 đảng viên (chiếm 76,56%); trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ đảng viên mới ngày được nâng cao, đảng viên mới kết nạp có trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 71,4%.

Công tác kết nạp ở một số ngành, lĩnh vực có chuyển biến theo hướng tích cực, có số lượng tăng dần, như: kết nạp đảng viên trong doanh nghiệp⁹; kết nạp đảng viên là người làm nông, lâm, ngư, nghiệp¹⁰; kết nạp đảng là sinh viên¹¹, học sinh¹². Công tác kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số thường xuyên được quan tâm.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Kết quả công tác phát triển đảng viên của các địa phương trong năm 2021

⁷ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh (216/200), Huyện ủy: Trà Bồng (121/100), Ba Tơ (154/140), Sơn Tây (69/60), Tư Nghĩa (135/130), Mộ Đức (113/110), Sơn Hà (122/120); Sơn Tịnh (101/100), Bình Sơn (161/160), Minh Long (51/50).

⁸ Đảng bộ kết nạp đạt chỉ tiêu so với tình giao: Nghĩa Hành (110/110), Đức Phổ (130/130).

⁹ Kết nạp đảng viên: năm 2021 là 72 (6,27%); năm 2022 là 114 (6,76%), năm 2023 là 110 (6,07%).

¹⁰ Kết nạp đảng viên: năm 2021 là 41 (3,57%); năm 2022 là 77 (4,57%), năm 2023 là 140 (7,72%).

¹¹ Kết nạp đảng viên: năm 2021 là 07 (0,61%); năm 2022 là 08 (0,47%), năm 2023 là 18 (0,99%).

¹² Kết nạp đảng viên: năm 2021 là 36 (3,14%); năm 2022 là 40 (2,37%), năm 2023 là 142 (7,83%).

và năm 2022 đều đạt được chỉ tiêu tỉnh giao nhưng chưa đạt được mục tiêu của Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên đề ra “Phần đầu đến năm 2025 kết nạp bình quân mỗi năm trên 2.000 đảng viên”. Riêng năm 2023, dự kiến đến ngày 31/12/2023, chỉ có huyện Lý Sơn không đạt chỉ tiêu giao (*Lý Sơn dự kiến đạt 91,4%, nếu xảy ra đúng như dự kiến thì đảng bộ huyện Lý Sơn có 2 năm liền không hoàn thành chỉ tiêu kết nạp đảng viên của tỉnh giao*). Tổ chức cơ sở đảng trực thuộc được giao chỉ tiêu nhưng không đạt chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới hoặc không kết nạp được đảng viên¹³, tập trung nhiều ở đảng bộ xã, phường, thị trấn và ở các tổ chức đảng thuộc trường học¹⁴.

- So sánh với chỉ tiêu Nghị quyết 21-NQ/TW đề ra: “Tỷ lệ kết nạp đảng viên hằng năm trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt từ 3 - 4%”, đến hiện tại, với số lượng kết nạp đảng viên được phân tích ở trên, tỷ lệ kết nạp đảng viên bình quân trong toàn tỉnh, mỗi năm giai đoạn 2021-2023 chỉ mới đạt tỷ lệ 2,71% trên tổng số đảng viên.

- Vẫn còn một số địa phương bố trí trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên, trong đó: 14/954 trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên¹⁵ (*chiếm 1,47%*); còn 32/954 trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chưa là đảng viên¹⁶ (*chiếm 3,55%*).

- Công tác phát triển đảng viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập còn nhiều hạn chế, trong khi lực lượng này còn quần chúng khá đông, cụ thể:

** Tỷ lệ đảng viên trong ngành giáo dục (Có Phụ lục 03 kèm theo)*

+ Số lượng đảng viên trong đội ngũ viên chức ở các trường mầm non chỉ đạt 51,48% (trong đó tỷ lệ dưới 50% tập trung ở các địa phương Bình Sơn, Sơn Tịnh,

¹³ Theo báo cáo nhanh của ban tổ chức cấp ủy: năm 2023 có 244 tổ chức cơ sở đảng chưa phát triển được đảng viên, tỷ lệ 30,92%.

¹⁴ Năm 2022, tại Báo cáo số 1972-BC/BTCTU ngày 21/12/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy nêu: Bình Sơn có 13 đảng bộ xã không đạt chỉ tiêu trong tổng số 24 tổ chức đảng không đạt chỉ tiêu; Thành phố có 14 đảng bộ xã không đạt chỉ tiêu trong tổng số 16 tổ chức đảng không đạt chỉ tiêu; Tư Nghĩa 6 đảng bộ xã và 03 tổ chức đảng thuộc trường học không đạt chỉ tiêu trong tổng số 10 tổ chức đảng không đạt chỉ tiêu; Sơn Hà có 6 đảng bộ xã không đạt chỉ tiêu trong tổng số 9 tổ chức đảng không đạt chỉ tiêu; Mộ Đức có 3 đảng bộ xã và 04 tổ chức đảng thuộc trường học không đạt chỉ tiêu trong tổng số 8 tổ chức đảng không đạt chỉ tiêu; Nghĩa Hành có 01 đảng bộ xã và 02 tổ chức đảng thuộc trường không đạt chỉ tiêu trong tổng số 03 tổ chức không đạt chỉ tiêu.

¹⁵ Đảng bộ Thành phố Quảng Ngãi có 3 chi bộ: chi bộ tổ dân phố 3,5,6 trực thuộc phường Lê Hồng Phong; Đảng bộ thị xã Đức Phổ có 03 chi bộ: chi bộ tổ dân phố An Trường trực thuộc Đảng ủy phường Phổ Ninh; chi bộ thôn Tân Sơn trực thuộc Đảng ủy xã Phổ Nhơn; chi bộ thôn Phú Long trực thuộc Đảng ủy xã Phổ Khánh; Đảng bộ huyện Nghĩa Hành có 01 chi bộ: chi bộ thôn Đồng Giữa, xã Hành Tín Đông; Đảng bộ huyện Sơn Hà có 2 chi bộ: chi bộ thôn Ka Lá, chi bộ thôn Đồng A trực thuộc Đảng ủy xã Sơn Linh; Đảng bộ huyện Trà Bồng có 5 chi bộ: chi bộ thôn Trà Xanh trực thuộc Đảng ủy xã Trà Lâm; chi bộ thôn Nước Nía và chi bộ thôn Tây trực thuộc Đảng ủy xã Trà Bùi; chi bộ thôn Cà trực thuộc Đảng ủy xã Trà Hiệp; chi bộ thôn Hà trực thuộc Đảng ủy xã Sơn Trà.

¹⁶ Đảng bộ huyện Sơn Hà có 20 chi bộ: chi bộ tổ dân phố Làng Bô, chi bộ tổ dân phố Làng Dầu và chi bộ tổ dân phố Nước Nía trực thuộc thị trấn Di Lăng; chi bộ thôn Tà Bần và chi bộ thôn Làng Rào trực thuộc xã Sơn Thủy; chi bộ thôn Làng Rút, chi bộ thôn Làng Riêng trực thuộc xã Sơn Kỳ; chi bộ thôn Gò Da, chi bộ thôn Làng Ghè, chi bộ thôn Bô Nung, chi bộ thôn Đồng A và chi bộ thôn Ka La thuộc xã Sơn Linh; chi bộ thôn Tà Đình thuộc xã Sơn Giang; chi bộ thôn Đèo Ron, chi bộ thôn Hà Bắc, chi bộ thôn Trường Khay, chi bộ thôn Đèo Gió và chi bộ thôn Đồng Reng thuộc xã Sơn Hạ, chi bộ Làng Mùng xã Sơn Bao, chi bộ Chi bộ Kà Khu xã Sơn Ba; Đảng bộ huyện Trà Bồng có 09 chi bộ: chi bộ thôn Trà Xanh, chi bộ thôn Trà Khương, chi bộ thôn Trà Hoa, chi bộ thôn Trà Lạc trực thuộc Đảng ủy xã Trà Lâm; chi bộ thôn Tang trực thuộc Đảng ủy xã Trà Bùi; chi bộ thôn Cà và chi bộ thôn Bông trực thuộc Đảng ủy xã Trà Hiệp; chi bộ thôn Ôi trực thuộc Đảng ủy xã Trà Xanh; chi bộ thôn Vàng trực thuộc Đảng ủy xã Trà Tây; Đảng bộ huyện Nghĩa Hành có 3 chi bộ: Chi bộ TDP Phú Bình Tây, Phú Bình Đông, Phú Vinh Trung trực thuộc Đảng ủy thị trấn Chợ Chùa.

Thành phố, Mộ Đức, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Tây, Lý Sơn).

+ Số lượng đảng viên trong đội ngũ viên chức ở các trường tiểu học chỉ đạt 49,14% (trong đó tỷ lệ dưới 50% tập trung ở các địa phương Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây).

+ Số lượng đảng viên trong đội ngũ viên chức ở các trường trung học cơ sở chỉ đạt 51,60% (trong đó tỷ lệ dưới 50% tập trung ở các địa phương Thành phố, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây).

+ Số lượng đảng viên trong đội ngũ viên chức ở các trường tiểu học và trung học cơ sở chỉ đạt 47,75% (tập trung ở các địa phương Thành phố, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Sơn Hà, Trà Bồng).

+ Số lượng đảng viên trong đội ngũ viên chức ở các trường trung học phổ thông chỉ đạt 49,71% (trong đó dưới 50% tập trung ở các địa phương Thành phố, Bình Sơn, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Lý Sơn).

** Tỷ lệ đảng viên trong ngành y tế (Có Phụ lục 04 kèm theo)*

+ Số lượng đảng viên trong các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên chỉ đạt 36,04% (trong đó dưới 50% tập trung ở các đơn vị Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi (32,69%); Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi (29,21%); Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi (42%); Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm (47,41%))

+ Số lượng đảng viên trong các đơn vị sự nghiệp chưa tự bảo đảm chi thường xuyên đạt 53,77% (trong đó dưới 50% tập trung ở 04 đơn vị tuyển tỉnh¹⁷; 01 đơn vị tuyển cấp huyện¹⁸; 05 đơn vị tuyển xã, phường, thị trấn¹⁹).

- Số lượng đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ còn thấp²⁰, chưa tương xứng với nguồn, chỉ đạt 22,96%, trong đó đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 18,63%, đảng viên trong lực lượng tự vệ đạt 53,46%, còn nhiều địa phương chưa đạt chỉ tiêu 19% đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ (*Có Phụ lục 05 kèm theo*).

- Số lượng đảng viên trong các đơn vị ngoài nhà nước hàng năm kết nạp vẫn còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, nhất là đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, bình quân hàng năm kết nạp có tỷ lệ 0,09%; người theo tôn giáo, bình quân hàng năm kết nạp có tỷ lệ 0,15%.

2.2. Nguyên nhân

- Vẫn còn một số cấp ủy nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên; chưa xác định công tác phát triển đảng

¹⁷ Bệnh viện tâm thần tỉnh Quảng Ngãi (38,46%); Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi (25,93%); Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi (40%); Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi (37,50%).

¹⁸ Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn (47,34%).

¹⁹ Trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Mộ Đức (41,38%); Trạm y tế thuộc trung tâm y tế thành phố Quảng Ngãi (43,17%); Trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Sơn Tịnh (46,38%); Trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bình Sơn (39,26%); Trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Sơn Tây (48,94%).

²⁰ Số liệu theo Báo cáo số 131-BC/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự về kết quả khảo sát chất lượng sinh hoạt chi bộ quân sự và tình hình quy hoạch, sử dụng cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn.

viên là công việc thường xuyên, liên tục; chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ; thiếu kiểm tra, đôn đốc trong thực hiện công tác phát triển đảng viên, dẫn đến kết quả kết nạp đảng viên chưa đều trong các tháng trong năm, thường chỉ tập trung vào 6 tháng cuối năm.

- Công tác khảo sát, thống kê, phân loại, đánh giá quần chúng, tạo nguồn kết nạp đảng viên ở từng đối tượng, từng loại hình tổ chức đảng chưa được quan tâm đúng mức; chưa tập trung chỉ đạo ở những ngành, lĩnh vực có đông quần chúng. Bên cạnh đó, một số cấp ủy, nhất là đồng chí bí thư cấp ủy chưa thực sự sâu sát nắm tình hình cơ sở, chưa phân công nhiệm vụ phát triển đảng đến từng đảng viên trong chi bộ theo Điều lệ Đảng, còn bị động trong công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên.

- Ở một số nơi, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là ở cấp cơ sở còn có hạn chế, chưa thực sự chủ động, tích cực trong công tác vận động quần chúng, tổ chức các hoạt động phong trào, dẫn đến việc phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, giới thiệu nguồn kết nạp đảng viên cho cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhiều.

- Việc mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đảng viên đối tượng là học sinh, sinh viên, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, công nhân, người lao động trong khu vực ngoài nhà nước còn gặp nhiều khó khăn về thời gian tổ chức lớp học.

- Một bộ phận trong thanh niên, trong đội ngũ viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập không có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng. Đây là khó khăn chung đối với công tác phát triển đảng viên ở các địa phương hiện nay.

- Các đơn vị ngoài khu vực nhà nước ở các địa phương (*trừ khu kinh tế, khu công nghiệp*), đa phần có quy mô sản xuất nhỏ, lực lượng lao động ít và thường xuyên biến động, một số chủ doanh nghiệp chưa quan tâm đến việc thành lập các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đảng và công tác phát triển đảng viên; lực lượng công nhân chưa quan tâm nhiều đến việc phấn đấu vào Đảng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. Mục tiêu

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên ở tỉnh ta hiện nay còn rất thấp so với các tỉnh (*như: Bình Định 74.524 đảng viên; Quảng Nam 72.000 đảng viên; Đắk Lắk 85.867 đảng viên; Gia Lai 64.944 đảng viên; Hà Tĩnh 100.255 đảng viên; Nghệ An 196.433 đảng viên; Thanh Hóa 234.130 đảng viên; Quảng Bình 77.073 đảng viên*), để tăng nguồn sinh lực cho Đảng, phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra:

1. Phấn đấu đến năm 2025 kết nạp bình quân mỗi năm trên 2.000 đảng viên, đến năm 2030 đạt mức bình quân chung của cả nước về số đảng viên trên dân số theo tại Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, trong đó có nội dung phát triển đảng viên.

2. Phấn đấu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3,5% - 4% tổng số

đảng viên, những đảng bộ có tỷ lệ đảng viên thấp thì phải phấn đấu cao hơn mức 4% theo Kế hoạch số 121-KH/TU ngày 10/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

II. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển đảng viên trong thời gian đến

1. Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng và đảng viên trong công tác phát triển đảng viên. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục mục tiêu, lý tưởng của Đảng, hình thành động cơ đúng đắn vào Đảng của quần chúng

- Nâng cao hơn nữa nhận thức của đảng viên và nhất là người đứng đầu cấp ủy về công tác phát triển đảng viên là một nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; khẳng định sự lớn mạnh của Đảng.

- Cấp ủy cấp trên, trước hết là cấp trên trực tiếp của cơ sở phải tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới. Gắn trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên.

- Hằng năm, các cấp ủy đảng phải xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên và giao chỉ tiêu cụ thể đến chi bộ và chi bộ giao nhiệm vụ đến từng đảng viên (*trừ đảng viên được miễn sinh hoạt và chi bộ hết nguồn quần chúng*).

- Các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch tạo nguồn, giao nhiệm vụ cho các tổ chức chính trị - xã hội, vận động hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào thi đua, qua đó nhằm phát hiện các nhân tố tích cực để bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, tự giác, tự nguyện đứng vào hàng ngũ của Đảng.

- Thực hiện việc phân công cán bộ, đảng viên phụ trách hộ gia đình nơi cư trú với các hình thức phù hợp để gắn bó, liên hệ mật thiết với nhân dân; truyền đạt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân và lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; nắm chắc tình hình cơ sở. Trên cơ sở đó, chú trọng việc vận động, tuyên truyền giáo dục, thuyết phục xây dựng được quần chúng tích cực theo Đảng để thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên đối với những quần chúng ở các gia đình được phân công phụ trách.

2. Chú trọng tạo nguồn, tăng số lượng hợp lý gắn với đổi mới cơ cấu đội ngũ đảng viên

Cấp ủy cơ sở và chi bộ xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên cần đảm bảo các yêu cầu: Đủ về số lượng, có cơ cấu hợp lý; đảm bảo chất lượng; đảm bảo về phẩm chất chính trị; có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ văn hoá tối thiểu tốt nghiệp trung học cơ sở ở vùng đồng bằng và các tiêu chí ưu tiên đối với các đối tượng đặc biệt, có năng lực thực tiễn trong các phong trào quần chúng. Xác định rõ nguồn phát triển đảng ở các thôn, tổ dân phố hiện nay là những quần chúng ưu tú và được chi bộ, đảng viên, nhân dân tín nhiệm, trong đó quan tâm tạo nguồn phát triển đảng viên trong đội ngũ trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, cán bộ đoàn, hội; bộ đội xuất ngũ; thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp về ở địa phương lập nghiệp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; giáo viên; cán bộ, y, bác sỹ trạm y

tế; lực lượng công an viên, dân quân tự vệ, dự bị động viên; công nhân lao động...

3. Xây dựng kế hoạch hằng năm

3.1. Đối với các cấp ủy cấp huyện và tương đương

- Cụ thể hóa kế hoạch kết nạp đảng viên của cấp ủy cấp trên phù hợp với đặc điểm của đảng bộ; chỉ đạo hướng dẫn các cấp ủy cấp dưới xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên. Giao chỉ tiêu kết nạp đảng viên cho các cấp ủy trực thuộc, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Phân đấu hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu được giao.

- Định kỳ hằng tháng xét đề nghị của cấp ủy cơ sở để bổ sung, điều chỉnh danh sách cảm tình Đảng; chỉ đạo trung tâm chính trị mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng đảm bảo chất lượng; linh hoạt về thời gian để phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Cấp ủy cấp huyện lựa chọn những báo cáo viên giỏi, có kỹ năng tuyên truyền tốt để tham gia giảng dạy tại các lớp bồi dưỡng.

- Quan tâm, tạo điều kiện thời gian phù hợp để bồi dưỡng cho đối tượng có tính chất đặc thù như giáo viên, học sinh, những người làm trong lĩnh vực y tế...

- Năm 2024, tổ chức hội nghị chuyên đề về phát triển đảng viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập của đảng bộ phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; lồng ghép quán triệt, triển khai Quy định số 125-QĐ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Đối với cấp ủy cơ sở

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn chi bộ xây dựng và thực hiện kế hoạch kết nạp đảng viên. Giao trách nhiệm cho các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú cho Đảng xem xét định kỳ 03 tháng 01 lần và theo dõi đến khi kết thúc.

- Định kỳ xét đề nghị của chi bộ để bổ sung, điều chỉnh danh sách cảm tình Đảng của đảng bộ; xét, kịp thời đề nghị cho đối tượng Đảng đi học lớp nhận thức về Đảng.

3.3. Đối với chi bộ

- Khảo sát, phân tích chất lượng quần chúng để xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên; tổ chức tuyên truyền, giáo dục, chỉ đạo các tổ chức quần chúng, nhất là Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giáo dục, lựa chọn đoàn viên, hội viên ưu tú giới thiệu cho chi bộ. Giao nhiệm vụ cho cảm tình Đảng để thử thách và có nghị quyết phân công đảng viên chính thức giúp đỡ cảm tình Đảng phấn đấu vào Đảng. Phân công nhiệm vụ phát triển đảng viên đến từng đảng viên (*trừ đảng viên miễn hoặc tạm miễn sinh hoạt, lớn tuổi*).

- Đưa nội dung phát triển đảng viên thành một nội dung thường xuyên trong các sinh hoạt định kỳ hằng tháng của chi bộ để xem xét, lựa chọn quần chúng ưu tú vào danh sách nhận thức về Đảng; rà soát, phát hiện, giáo dục, giúp đỡ, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; xét, đề nghị quần chúng có triển vọng đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; xét, quyết định quần chúng

(đã học qua lớp bồi dưỡng, qua kiểm tra có nhận thức tốt về Đảng) được làm thủ tục xem xét kết nạp vào Đảng.

3.4. Đối với Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Sở Y tế:

- Ngay trong Quý I/2024, chủ trì, phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác phát triển đảng viên trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; mời đại diện các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy tham dự; gắn liền với việc triển khai quán triệt văn bản Quy định số 125-QĐ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Phối hợp với các cấp ủy cấp huyện và Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh để phân đấu mỗi năm số viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập có tỷ lệ đảng viên gia tăng trên 5% và đến năm 2025 phấn đấu đạt từ 65%-70% trong tổng số viên chức, người lao động ổn định trong các đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn tỉnh.

4. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Tất cả các trường hợp kết nạp đảng phải được thẩm định tiêu chuẩn chính trị theo đúng quy định của Đảng

- Tăng cường công tác phối hợp về thẩm định tiêu chuẩn chính trị giữa các cấp ủy, tránh tình trạng kéo dài việc thẩm định chính trị mà không thông báo lý do, dẫn đến tình trạng hoang mang, nhụt ý chí phấn đấu vào Đảng của quần chúng.

5. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng nguồn và phát triển đảng viên

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ động hơn nữa trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức về Đảng; đổi mới nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động phong trào thi đua để thu hút, tập hợp đoàn viên, hội viên tham gia, qua đó phát hiện, giới thiệu quần chúng ưu tú, hội viên tích cực, đề cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, bồi dưỡng và giới thiệu kết nạp Đảng.

- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp trên trực tiếp phải xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu cho cấp dưới tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên, hội viên ưu tú cho chi bộ xem xét, bồi dưỡng kết nạp Đảng.

6. Đối với các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy:

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tích cực chủ động thực hiện trách nhiệm và kịp thời tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện toàn diện Nghị quyết số 21, trong đó có nhiệm vụ phát triển tổ chức đảng và đảng viên. Chính thức đưa chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng và đảng viên thành chỉ tiêu quan trọng trong đánh giá xếp loại tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo quản lý và đảng viên là người đứng đầu hàng năm và theo nhiệm kỳ từ năm 2023.

III. Dự kiến giao chỉ tiêu phát triển đảng viên năm 2024

1. Rà soát nguồn và cách thức phân bổ chỉ tiêu

- Tính theo dân số, hiện nay các địa phương có tỷ lệ đảng viên so với dân số

còn thấp so với tỉnh (*chưa đạt tỷ lệ bình quân của tỉnh*) gồm: Tư Nghĩa 2,94%; Bình Sơn 3,23%; Đức Phổ 3,59%; Sơn Tịnh 3,22%; Thành phố 3,85%; Mộ Đức 3,7%; Nghĩa Hành 3,91%; Sơn Hà 3,83%. Vẫn còn 20/954 chi bộ thôn, tổ dân phố chưa có cấp ủy²¹.

- Xét tỷ lệ đảng viên mới so với tổng số đảng viên, từ giai đoạn 2021 - 2023, tính bình quân hằng năm còn nhiều địa phương sẽ không đạt theo Nghị quyết số 21-NQ/TW, cụ thể: Lý Sơn đạt 2,93%; Mộ Đức đạt 2,61%; Đức Phổ đạt 2,52% và Bình Sơn đạt 2,69%; Sơn Tịnh đạt 2,46%, riêng Thành ủy chỉ đạt 1,43%.

- Xét tỷ lệ đảng viên trong dân quân thấp, chưa đạt chỉ tiêu giao²²: Sơn Hà đạt 15,54%, huyện Ba Tư đạt 13,02%, huyện Lý Sơn đạt 12,7%.

- Xét về nguồn quân chủng trong đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đối với ngành giáo dục hiện còn 8.513 quân chủng; đối với ngành y tế 2.036 quân chủng (*có Phụ lục 03 và 04 gửi kèm*).

2. Dự kiến giao chỉ tiêu

Năm 2024, toàn tỉnh kết nạp 2.110 đảng viên, bình quân hằng năm tỉnh sẽ có tỷ lệ kết nạp đảng viên mới đạt chỉ tiêu 3% trên tổng số đảng viên theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW đề ra. Để đạt được mục tiêu này, qua rà soát nguồn, dự kiến giao chỉ tiêu năm 2024 sẽ giao tăng thêm 200 đảng viên so với năm 2023, cụ thể như sau:

- Giao tăng 50 đảng viên cho **Thành phố Quảng Ngãi 250²³**, trong đó phấn đấu khắc phục tiêu chí tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên; phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự, chi bộ thôn, tổ dân phố để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp từ 01-02 người theo tôn giáo vào Đảng.

- Giao tăng 30 đảng viên cho **Tư Nghĩa 180**, trong đó: phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp từ 01-02 người theo tôn giáo vào Đảng.

- Giao tăng 20 đảng viên cho 02 đơn vị: **Sơn Hà 150** (trong đó phấn đấu khắc phục tiêu chí trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận chưa là đảng viên; phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự, chi bộ thôn, tổ dân phố để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng); **Bình Sơn 220** (trong đó, phấn đấu kết nạp từ 1-2 người theo tôn giáo vào Đảng).

- Giao tăng 15 đảng viên cho 02 đơn vị: **Mộ Đức 165** (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phấn đấu kết nạp từ 1-2 người theo tôn giáo vào Đảng); **Nghĩa Hành 145** (trong đó phấn đấu khắc

²¹ Thành phố: 03; Sơn Tịnh: 01; Sơn Hà: 07, Trà Bồng: 04, Lý Sơn: 02; Đức Phổ: 03.

²² "Giữ vững tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dự bị động viên đạt trên 10%, dân quân tự vệ đạt 23% trở lên" theo Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/7/2022 Nghị quyết của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 8 khóa XX về lãnh đạo xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh trong tình hình mới.

²³ Chỉ đạt 2,59% so với tổng số đảng viên (*vẫn chưa đạt mục tiêu Nghị quyết 21-NQ/TW*)

phục tiêu chỉ trưởng thôn chưa là đảng viên; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng).

- Giao tăng 10 đảng viên cho 03 đơn vị: **Lý Sơn 45** (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ thôn để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng); **Trà Bồng 130** (trong đó phấn đấu khắc phục tiêu chí trưởng thôn, trưởng ban công tác mặt trận chưa là đảng viên; phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự, chi bộ thôn để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân); **Đức Phổ 180** (trong đó phấn đấu khắc phục tiêu chí trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố chưa là đảng viên; phát triển đảng viên trong chi bộ thôn, tổ dân phố để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp từ 01-02 người theo tôn giáo vào Đảng).

- Giao tăng 05 đảng viên cho 05 đơn vị: **Ba Tư 150** (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân); **Sơn Tịnh 125** (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự, chi bộ thôn để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng); **Sơn Tây 65** (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng); **Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: 255** (trong đó phấn đấu kết nạp từ 01-02 chủ doanh nghiệp vào Đảng).

- Giao bằng chỉ tiêu năm 2023 cho **Minh Long là 50** đảng viên (trong đó phát triển đảng viên trong chi bộ quân sự để đủ điều kiện thành lập cấp ủy; phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân để bảo đảm tiêu chí 19% đảng viên trong lực lượng dân quân; phấn đấu kết nạp học sinh vào Đảng).

(Có Phụ lục 06 kèm theo)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Vụ Địa phương II, BTCTW (b/c),
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ban tổ chức cấp ủy cấp huyện và tương đương,
- Đảng ủy: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp,
- Công Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh,
- Phòng Địa phương, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Đinh Thị Hồng Minh

Phụ lục 01
THỐNG KÊ VĂN BẢN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN
(kèm theo Báo cáo số 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Đơn vị	Công văn	Kế hoạch	Quyết định	Thông báo	Kết luận	Nghị quyết	Hướng dẫn	Chương trình	Chỉ thị	Đề án
1	Sơn Hà	3	1	1	1	0	0	0	0	0	0
2	Nghĩa Hành	3	0	2	0	1	0	0	0	0	0
3	Đức Phổ	6	0	2	0	0	0	0	0	1	1
4	Trà Bồng	4	3	2	0	0	0	0	0	0	0
5	Sơn Tịnh	1	1	2	0	0	0	0	0	0	0
6	Bình Sơn	9	0	3	0	2	0	0	0	0	0
7	Mộ Đức	9	3	-	0	0	0	0	0	0	0
8	Lý Sơn	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0
9	Ba Tơ	5	0	2	0	0	1	1	0	0	0
10	Sơn Tây	-	0	2	0	0	0	0	0	0	0
11	Mình Long	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0
12	Thành phố	-	0	-	0	0	0	0	0	0	0
13	Tư Nghĩa	10	0	1	0	0	0	0	0	1	0
14	Công an	-	0	0	0	0	0	0	1	0	0
15	Quân sự	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0
16	Biên Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		56	9	19	1	3	4	1	1	3	1

Phụ lục 02
SỐ LIỆU KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN TRONG 03 NĂM (2021, 2022, 2023)
(kèm theo Báo cáo số 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

	2021	2022	2023	TỔNG CỘNG
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I. Tổng số đảng viên mới kết nạp	1,148	1686	1813	4,647
Trong đó: - Nữ	651	956	1055	2662
- Dân tộc thiểu số	196	294	308	798
- Người theo tôn giáo	3	3	4	10
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	773	1047	1083	2903
- Chủ doanh nghiệp tư nhân	2	2	3	7
- Quản chúng vi phạm chính sách KHHGD	2	10	24	36
- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài	0	0	0	0
- Kết nạp lại	1	0	1	2
II. Phân tích đảng viên mới kết nạp	1,148	1,686	1,813	4647
I. Nghề nghiệp	1,148	1,686	1,813	4647
- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên	129	140	115	384
- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tính từ cấp huyện trở lên	12	17	10	39
- Cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn	142	105	118	365
- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)	163	143	127	433
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	428	754	750	1932
- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	0	1	8	9
- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp	72	114	110	296
- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp	41	77	140	258
- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội và công an (lực lượng vũ trang)	65	106	95	266
- Sinh viên	7	8	18	33
- Học sinh	36	40	142	218
- Khác (lao động hợp đồng, tự do...)	53	181	180	414
2. Tuổi đời:	1,148	1,686	1,813	4647

	2021	2022	2023	TỔNG CỘNG
- Từ 18 - 30 tuổi	526	794	911	2231
- Từ 31 - 35 tuổi	352	505	477	1334
- Từ 36 - 40 tuổi	179	264	284	727
- Từ 41 - 45 tuổi	64	96	116	276
- Từ 46 - 50 tuổi	16	18	15	49
- Từ 51 - 55 tuổi	10	5	9	24
- Từ 56 - 60 tuổi	1	4	1	6
- Trên 60 tuổi	0	0	0	0
- Tuổi bình quân	31	30	30	30
3. Trình độ giáo dục phổ thông	1,148	1,686	1,813	4647
- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ	0	0	0	0
- Tiểu học	0	1	2	3
- Trung học cơ sở	44	68	79	191
- Trung học phổ thông	1,104	1617	1732	4453
4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	899	1,363	1,339	3601
- Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp	28	39	33	100
- Trung cấp	96	135	143	374
- Cao đẳng	143	204	209	556
- Đại học	585	938	914	2437
- Thạc sĩ	47	44	38	129
- Tiến sĩ	0	3	2	5
5. Chức danh khoa học	0	0	0	0
- Phó Giáo sư	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0

Phụ lục 03**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN TRÊN ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC (THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC)**
(tính đến thời điểm 31/8/2023)*(kèm theo Báo cáo số 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	Đơn vị	Trường mầm non			Trường Tiểu học			Trường THCS			Trường TH&THCS			Trường THPT		
		Tổng số	Đảng viên	% đảng viên/tổng viên chức	Tổng số	Đảng viên	% đảng viên/tổng viên chức	Tổng số	Đảng viên	% đảng viên/tổng viên chức	Tổng số	Đảng viên	% đảng viên/tổng viên chức	Tổng số	Đảng viên	% đảng viên/tổng viên chức
1	Thành phố	528	253	47.92%	882	455	51.59%	742	370	49.87%	217	81	37.33%	675	332	49.19%
2	Bình Sơn	491	206	41.96%	660	288	43.64%	552	289	52.36%	268	122	45.52%	359	177	49.30%
3	Sơn Tịnh	211	105	49.76%	400	183	45.75%	381	188	49.34%				86	52	60.47%
4	Đức Phổ	410	260	63.41%	470	318	67.66%	522	361	69.16%				208	107	51.44%
5	Mộ Đức	354	162	45.76%	444	225	50.68%	427	195	45.67%	37	18	48.65%	267	133	49.81%
6	Tư Nghĩa	364	211	57.97%	487	233	47.84%	449	215	47.88%				304	165	54.28%
7	Nghĩa Hành	241	132	54.77%	339	175	51.62%	316	161	50.95%				164	72	43.90%
8	Minh Long	111	44	39.64%	120	52	43.33%	82	38	46.34%	50	26	52.00%	34	15	44.12%
9	Ba Tơ	286	183	63.99%	180	94	52.22%	160	95	59.38%	301	174	57.81%	84	42	50.00%
10	Sơn Hà	256	139	54.30%	323	132	40.87%	224	111	49.55%	262	123	46.95%	199	97	48.74%
11	Trà Bồng	313	151	48.24%	267	103	38.58%	162	59	36.42%	400	189	47.25%	127	65	51.18%
12	Sơn Tây	153	71	46.41%	185	63	34.05%	175	63	36.00%				37	14	37.84%
13	Lý Sơn	93	45	48.39%	121	76	62.81%	95	67	70.53%				53	20	37.74%
TỔNG CỘNG		3811	1962	51.48%	4878	2397	49.14%	4287	2212	51.60%	1535	733	47.75%	2597	1291	49.71%

Phụ lục 04**SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN LÀ VIÊN CHỨC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ**
(Tính đến thời điểm ngày 31/8/2023)*(kèm theo Báo cáo số 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	ĐƠN VỊ	Tổng số viên chức	Trong đó, viên chức là đảng viên	% đảng viên /tổng viên chức
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN	1,096	395	36.04%
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	621	203	32.69%
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi	267	78	29.21%
3	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi	50	21	42.00%
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm	116	55	47.41%
5	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	42	38	90.48%
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CHƯA TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN	2,888	1,553	53.77%
*	TUYỂN TỈNH	389	171	43.96%
6	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi	78	30	38.46%
7	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Quảng Ngãi	81	21	25.93%
8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi	35	14	40.00%
9	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi	121	66	54.55%
10	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi	24	9	37.50%
11	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, MP, TP tỉnh Quảng Ngãi	25	15	60.00%
12	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Quảng Ngãi	12	9	75.00%
13	Trung tâm Pháp Y tỉnh Quảng Ngãi	13	7	53.85%
*	TUYỂN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	1,424	827	58.08%
14	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ	31	29	93.55%
15	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	145	77	53.10%
16	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	153	81	52.94%

TT	ĐƠN VỊ	Tổng số viên chức	Trong đó, viên chức là đảng viên	% đảng viên /tổng viên chức
17	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	108	65	60.19%
18	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi	117	67	57.26%
19	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh	168	100	59.52%
20	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	169	80	47.34%
21	Trung tâm Y tế huyện Minh Long	76	54	71.05%
22	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ	94	55	58.51%
23	Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	123	64	52.03%
24	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	115	68	59.13%
25	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	57	33	57.89%
26	Trung tâm Y tế Quân Dân Y huyện Lý Sơn	68	54	79.41%
*	TUYÊN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	1,075	555	51.63%
1	Trạm Y tế, Bệnh xá thuộc Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ	92	48	52.17%
2	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	87	36	41.38%
3	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	95	49	51.58%
4	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	82	51	62.20%
5	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi	139	60	43.17%
6	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh	69	32	46.38%
7	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	135	53	39.26%
8	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Long	32	22	68.75%
9	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ	110	79	71.82%
10	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Trà Bồng	102	56	54.90%
11	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà	85	46	54.12%
12	Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây	47	23	48.94%
TỔNG CỘNG (I+II)		3,984	1,948	48.90%

Phụ lục 05
ĐẢNG VIÊN TRONG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ
(Kèm theo Báo cáo 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Đơn vị	Chi bộ quân sự			Lực lượng dân quân tự vệ			Lực lượng dân quân			Lực lượng tự vệ		
		Có cấp ủy	Không có cấp ủy	Tỷ lệ % chi bộ có cấp ủy	Tổng số	Đảng viên	Tỷ lệ %	Tổng số	Đảng viên	Tỷ lệ %	Tổng số	Đảng viên	Tỷ lệ %
1	TP.Q. Ngãi	22	1	95,65	3964	1159	29,23	2721	492	18,08	1243	667	53,66
2	Sơn Tịnh	11	0	100	1306	380	29,09	1183	333	28,14	123	47	38,21
3	Bình Sơn	22	0	100	2991	631	21,09	2562	485	19,04	429	146	31,70
4	Tư Nghĩa	12	2	85,71	1719	393	22,86	1555	288	17,87	164	105	64,02
5	Mộ Đức	12	1	92,30	1620	445	27,46	1496	391	26,13	124	54	43,548
6	Đức Phổ	15	0	100	2020	421	20,84	1839	319	17,34	181	102	56,35
7	Nghĩa Hành	12	0	100	1484	328	22,10	1370	256	18,58	114	72	63,15
8	Minh Long	5	0	100	688	149	21,65	634	109	17,19	54	40	74,07
9	Ba Tơ	8	11	42,10	2027	325	16,03	1927	251	13,02	100	74	74
10	Sơn Hà	10	4	71,42	1729	323	18,68	1602	249	15,54	127	74	58,26
11	Sơn Tây	9	0	100	902	218	24,16	870	194	22,19	32	24	75
12	Trà Bồng	14	2	87,5	1661	296	17,82	1629	264	16,2	32	32	100
13	Lý Sơn				359	89	24,79	299	38	12,7	60	51	85
Tổng cộng		152	21	87,28	22,470	5,157	22,95	19,687	3,669	18,63	2,783	1,488	53,46

Phụ lục 06
BẢNG GIAO CHỈ TIÊU KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo 434-BC/TU ngày 04/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Địa phương, đơn vị	Tổng dân số	Tổng số đảng viên	Tỷ lệ đảng viên/dân	4%/tổng số đảng viên	Chỉ tiêu phát triển năm 2023	Đã kết nạp	Chỉ tiêu phát triển năm 2024	So sánh năm 2024 và 2023	Tỷ lệ % trên tổng số đảng viên
Tổng		1,245,649	55,273	4.44	2,211	1,910	1,778	2,110	200	3.83
1	Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh		6,392		256	250	221	255	5	3.99
2	Bình Sơn	182,856	5,903	3.23	236	200	200	220	20	3.73
3	Thành Phố	263,425	10,155	3.85	406	200	201	250	50	2.46
4	Đức Phổ	122,611	4,398	3.59	176	170	121	180	10	4.09
5	Tư Nghĩa	129,819	3,812	2.94	152	150	153	180	30	4.72
6	Mộ Đức	113,499	4,201	3.70	168	150	130	165	15	3.93
7	Ba Tơ	60,389	4,173	6.91	167	145	148	150	5	3.59
8	Nghĩa Hành	83,155	3,251	3.91	130	130	130	145	15	4.46
9	Sơn Hà	79,414	3,042	3.83	122	130	130	150	20	4.93
10	Sơn Tịnh	96,780	3,114	3.22	125	120	84	125	5	4.01
11	Trà Bồng	54,095	2,955	5.46	118	120	117	130	10	4.40
12	Sơn Tây	21,422	1,517	7.08	61	60	65	65	5	4.28
13	Minh Long	19,233	1,450	7.54	58	50	50	50	0	3.79
14	Lý Sơn	18,951	910	4.80	36	35	28	45	10	4.95